

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HC-ST

Ngày: 21-11-2019

Về việc “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Liên

Ông Lê Ngọc Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Chức vụ: Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Đào Anh Thái - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 09/2019/TLST-HC, ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc kiện “Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/QĐXXST-HC, ngày 22/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-HC, ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị A – sinh năm: 1963 (Có mặt)

Ông Trần Đức B – sinh năm: 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như Đ – sinh năm 1970

Nơi ĐKHTTT: Buôn E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm trú: Thôn F, xã G, huyện D, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 09 Trần Hưng Đạo, thị trấn D, huyện D, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Đình H – Chức vụ: Phó chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt.)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Đức I – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên môi trường (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Mai Xuân J – sinh năm: 1960 (Có mặt)

- Bà Trương Thị K – sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Trung tâm, xã C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị K: Ông Phạm Đăng L – sinh năm: 1968

Địa chỉ: Thôn Trung tâm, xã C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

***Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Ngọc M – Sinh năm: 1957

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Lê Văn N - sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Ông Phạm Kim Q– Sinh năm: 1958

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Nguyễn Như Đ – đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Đức B, bà Nguyễn Thị A trình bày:**

Gia đình bà A ông B có 01 lô đất tại xã C, huyện D. Nguồn gốc lô đất khai hoang từ năm 1995 và được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số O402213 vào ngày 10/03/1999 gồm có các thửa như sau: thửa 15, 17, 104, 105, 106, 107, 109, 171, 172, 173, tờ bản đồ 04. Từ khi khai hoang gia đình bà A canh tác trồng cây điều và sản xuất ổn định từ năm 1995 đến năm 2006 ông J tranh chấp cho máy đến mức cây điều. Từ năm 2008 trở đi diện tích đất tại thửa 171 do gia đình ông J lấn chiếm sử dụng canh tác.

Năm 2009 ông Mai Xuân J có đơn khiếu nại đến UBND huyện D, ông J cho rằng thửa đất 171 này là của gia đình ông J, UBND huyện D đã cấp nhầm thửa đất 171 này cho gia đình ông B bà A. UBND huyện D đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 425/QĐ-UBND kết luận việc cấp GCNQSDĐ của thửa 171 này cho gia đình bà A là trái pháp luật và thông báo trong thời gian là 90 ngày nếu ông J không đồng ý thì khiếu nại quyết định này. Tuy nhiên UBND huyện D không thông báo cho gia đình ông B bà A được biết. Sau đó, UBND huyện D ban hành quyết định thu hồi thửa đất số 426/QĐ-UBND này của gia đình bà A, ông B và cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông J là không đúng vì thời điểm UBND huyện D giải quyết đơn khiếu nại của ông J gia đình ông B bà A không có mặt tại địa phương.

Năm 2017 ông J khởi kiện bà A ông B về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” tại TAND huyện D. Ông B bà A có ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng. Tháng 10 năm 2017 khi ông Đ đi liên hệ Văn phòng đăng ký đất đai để sao chép hồ sơ thì ông B, bà A mới biết Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 425/QĐ-UBND và quyết định thu hồi số 426/QĐ-UBND/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện D và GCNQSDĐ số BA 696381 thửa số 171, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.138m² do UBND huyện D cấp ngày 28/6/2010 mang tên Mai Xuân J và Trương Thị K. Sau khi biết được nội dung UBND huyện D thu hồi diện tích đất tại thửa đất số 171 của ông B, bà A và cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên cho ông J nên ngày 20/10/2017 ông B làm đơn khiếu nại đến UBND huyện D nhưng không được chấp nhận và UBND huyện D ban hành công văn số 1167/CV-UBND, ngày 20/11/2017 trả lời cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện. Tại thời điểm đó do ông J đang khởi kiện bà A ông B về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với thửa 171, 172 nên ông B không tiếp tục khiếu nại mà chờ Tòa án nhân dân huyện D giải quyết tranh chấp. Sau khi ông J rút đơn khởi kiện vụ án dân sự và TAND huyện Ea Kar ban hành quyết định đình chỉ ngày 30/8/2018 thì ông B bà A làm đơn khởi kiện lên Tòa án bằng một vụ án hành chính.

- Việc UBND huyện D ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 425/QĐ-UBND vào ngày 28/4/2009 thời gian quyết định có hiệu lực là 90 ngày nhưng trong ngày 28/4/2009 lại ban hành quyết định số 426/QĐ-UBND thu hồi thửa đất của gia đình bà A. Như vậy gia đình bà A không được mời làm việc, không được biết bất cứ nội dung nào cũng không nhận được bất cứ thông báo hay kết luận nào của UBND huyện để gia đình bà A được biết để gia đình bà A khiếu nại. Như vậy, UBND huyện D, giải quyết khiếu nại theo hướng một chiều cho gia đình ông J hành vi này UBND huyện đã vi phạm pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại tố cáo của thủ tục hành chính.

- UBND huyện D ban hành quyết định thu hồi thửa đất 171, diện tích đất là 4.350m², tại sao tại lấy thêm một phần diện tích 788m² từ thửa đất 172 của bà A để cấp GCNQSD đất cho ông Mai Xuân J, thửa đất 172 của bà A có tổng là 3.850m² hiện nay thửa đất 172 của bà A theo trích lục đồ bị hẹp mất đi một phần diện tích và trích lục bản đồ nay bị thay đổi hiện trạng của gia đình bà A. Như vậy UBND huyện D đã cấp GCNQSDĐ cho ông J là 5.138m² như vậy đã thể hiện rõ là trái pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xem xét giải quyết hủy bỏ quyết định số 425/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 của UBND huyện D về việc thu hồi thửa đất 171, tờ bản đồ 04, diện tích 4.350m² của gia đình bà A nói trên và hủy bỏ GCNQSDĐ số BA 696381, tờ bản đồ 04, thửa đất 171, diện tích 5.138m² do UBND huyện D cấp ngày 28/06/2010 mang tên Mai Xuân J và bà Trương Thị K và trả lại hiện trạng đất như cũ cho gia đình bà A ông B.

*** Tại bản tự khai ông Lê Đình H – Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện D trình bày:**

Về trình tự, thủ tục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đức B; ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K.

Về hồ sơ pháp lý:

+ Hộ ông Trần Đức B được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O409213, ngày 14/11/1998 gồm 4 thửa: Thửa 171, 172, 107, 165 với tổng diện tích 17.965 m². Riêng thửa số 171, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.350m², mục đích sử dụng: đất màu, vị trí thửa đất tại thôn Đoàn kết 2, xã C, huyện D.

+ Ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 444078, ngày 09/12/2009, tại thửa số 171, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.350m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác, nguồn gốc đất: Công nhận quyền sử dụng đất, vị trí thửa đất tại thôn Đoàn kết 2, xã C, huyện D.

+ Ngày 28/6/2010 Ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K đăng ký biến động lý do diện tích tăng thêm và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 696381, tại thửa số 171, tờ bản đồ số 4, diện tích 5138m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác, nguồn gốc đất: Công nhận quyền sử dụng đất, vị trí thửa đất tại thôn Đoàn kết 2, xã C, huyện D.

Hồ sơ ông Trần Đức B:

Đăng ký cấp GCNQSDĐ năm 1998 và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 409213, ngày 14/11/1998 gồm 4 thửa: Thửa 171,

172,107,165 với tổng diện tích 17.965 m². Riêng thửa số 171, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.350m², mục đích sử dụng: đất màu, vị trí thửa đất tại thôn Đoàn kết 2, xã C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk.

Hồ sơ ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K

Thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 425/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 của UBND huyện D về việc giải quyết khiếu nại, tại điều 1 quyết định: Nay thu hồi và hủy GCNQSDĐ số O409213 ngày 14/11/1998 đã được UBND huyện D cấp cho ông Trần Đức B ở thôn Đoàn kết 2, xã C, huyện D, tỉnh Đắk Lắk. Lý do thu hồi: Thửa đất số 171, tờ bản đồ số 4 của gia đình ông Mai Xuân J nhưng UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận cho ông Trần Đức B là không đúng đối tượng.

Ngày 28/4/2009 UBND huyện D ban hành quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 về việc thu hồi GCNQSDĐ số O409213. Lý do: Thửa đất số 171 của ông Mai Xuân J nhưng đã cấp cho ông Trần Đức B.

- Ngày 20/8/2009 ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K làm đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 4, vị trí thửa đất tại thôn Đoàn kết 2, xã C, huyện D.

- Ngày 24/9/2009, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường (Nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D) tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K

- Sau khi thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K. Ngày 31/12/2008 văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường có phiếu chuyển thông tin gửi Chi cục thuế để xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp đối với Nhà nước.

- Ngày 15/12/2009, ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Ngày 09/12/2009, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất ký xác nhận đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Xuân J và Trương Thị K.

- Ngày 09/12/2009, UBND huyện D có Quyết định số 5786/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 444078 cùng ngày 09/12/2009, tại thửa số 171, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.350m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác, nguồn gốc đất: Công nhận quyền sử dụng đất, vị trí thửa đất tại thôn Đoàn kết 2, xã C, huyện D.

Đến ngày 28/6/2010 ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K đăng ký biến động, lý do diện tích tăng thêm và được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 696381, tại thửa số 171, tờ bản đồ số 4, diện tích 5138m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác, nguồn gốc đất: Công nhận quyền sử dụng đất, vị trí thửa đất tại thôn Đoàn kết 2, xã C, huyện D.

Trong quá trình thực hiện việc thu hồi GCNQSDĐ và cấp GCNQSDĐ cho ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất; Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND xã C không nhận được đơn khiếu nại, tranh chấp, cũng như các ý kiến, kiến nghị của bất kỳ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào.

Trên cơ sở hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Được lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D). UBND huyện D khẳng định việc quyết định thu hồi và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng, đủ trình tự thủ tục theo quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện UBND huyện D có ý kiến như sau:

- Tại thời điểm ông Trần Đức B đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998, Ông Trần Đức B đăng ký nhằm thửa đất, trách nhiệm này thuộc về ông Trần Đức B. Đồng thời UBND xã C trong quá trình tổ chức xét duyệt thẩm tra chưa kỹ dẫn đến việc xét duyệt sai đối tượng sử dụng đất. Do đó UBND huyện D cấp giấy chứng nhận cho ông Trần Đức B là không đúng đối tượng sử dụng đất.

- Căn cứ vào thành phần nội dung hồ sơ, đối chiếu các quy định của Luật đất đai năm 2003. Trên cơ sở GCNQSDĐ đã cấp cho ông Trần Đức B và hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K, đồng thời theo đề nghị của UBND xã C tại Tờ trình số 50/TTr-UBND, ngày 17/9/2009. Việc Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D lập hồ sơ trình Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đức B; Ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K là đúng, đủ trình tự theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ Điều 42, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai, về việc đính chính và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Căn cứ tại điểm a, khoản 2, Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP, ngày 19/10/2009 của Chính phủ “về việc đính chính và thu hồi đối với loại Giấy chứng nhận đã cấp” được thực hiện như sau:

" Trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp mà có văn bản của cơ quan điều tra, cơ quan thanh tra kết luận là Giấy chứng nhận đã cấp trái với quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm

xem xét, nếu kết luận đó là đúng thì ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp"

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, kết quả làm việc với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo Báo cáo của Thanh tra huyện và Quyết định giải quyết khiếu nại số 425/QĐ-UBND/QĐ - UBND, ngày 28/4/2009 của UBND huyện D về việc giải quyết khiếu nại. Căn cứ các quy định của pháp luật. Ngày 28/4/2009 UBND huyện D ban hành quyết định số 426/QĐ-UBND/QĐ-UB, ngày 28/4/2009 về việc thu hồi GCNQSDĐ số O 409213 (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện cấp cho ông Trần Đức B*) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, UBND huyện D nhận thấy việc ông Trần Đức B đề nghị hủy Quyết định số 425/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 về việc giải khiếu nại lần đầu, Quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 về việc về việc thu hồi thửa đất số 171; tờ bản đồ số 04; diện tích 4.350 m² và hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 696381, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.138 m² do UBND huyện D cấp ngày 28/6/2010 mang tên Ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K là không có căn cứ.

Về thời hiệu khởi kiện được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đối với quyết định hành chính, thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính. Theo khởi kiện của ông Trần Đức B yêu cầu hủy bỏ quyết định số 425/QĐ-UBND, quyết định 426/QĐ-UBND/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 của UBND huyện D về việc thu hồi thửa đất số 171; Tờ bản đồ số 04; diện tích 4.350 m², đến thời điểm thụ lý vụ án ngày 31/01/2019 thì đã hết thời hiệu khởi kiện hành chính.

*** Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân J trình bày:**

Năm 1995 gia đình ông J có mua một diện tích đất của ông Phạm Kim Q, khi mua chúng tôi không ghi cụ thể diện tích nhưng ông Q có chỉ ranh giới đất cho tôi. Sau đó, tôi khai phá công tác đến năm 1998 thì được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ thửa đất số 170, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.985m². Diện tích 5.138 m² còn lại của gia đình tôi nhưng UBND huyện D lại cấp nhầm cho gia đình ông B, bà A thửa đất số 171, tờ bản đồ số 4. Do đo đạc không chính xác nên khi đó UBND huyện D chỉ cấp cho ông B bà A 4.350 m², còn lại 788 m² UBND lại cấp sang thửa đất số 172 cho gia đình bà A.

Sau đó ông J có làm đơn khiếu nại lên UBND huyện D và yêu cầu kiểm tra

xem xét thẩm định lại. Sau khi kiểm tra xem xét UBND huyện D đã ban hành quyết định thu hồi thửa đất số 171, tờ bản đồ số 4 đã cấp nhằm cho ông B, bà A. Ngày 28/6/2010 gia đình ông J được UBND huyện D cấp lại GCNQSDĐ số BA 696381, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 4 với diện tích 5.138 m². Khi tôi nhận chuyển nhượng đất của ông Q thì ông Q chưa được cấp GCNQSDĐ nên khi làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 5.138 m² ông J có ghi nguồn gốc đất khai hoang. Ông J đã canh tác và sử dụng ổn định diện tích đất trên từ năm 1995 đến nay không ai có ý kiến hay tranh chấp.

Việc UBND huyện D cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông J là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, bà A ông B khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 425/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 về việc giải khiếu nại lần đầu, Quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 về việc về việc thu hồi thửa đất số 171; tờ bản đồ số 04; diện tích 4.350 m² và hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 696381, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.138 m² do UBND huyện D cấp ngày 28/6/2010 cho gia đình ông J thì ông J không đồng ý. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà A, ông B.

***Tại phiên tòa ông Phạm Đăng L – đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị K trình bày:**

Nhất trí như lời trình bày của ông Mai Xuân J.

Ông L xin bổ sung như sau: Toàn bộ diện tích đất 5.138m² thửa đất số 171 do gia đình ông J bà Thành sử dụng canh tác ổn định và trồng cà phê từ năm 1995, hiện nay cà phê đã chết ông J đã trồng mì và mía. Ông Đ cho rằng ông B bà A canh tác sử dụng diện tích đất trên để trồng điều là không chính xác, ông Đ cho rằng ông J lấy máy mức cây điều do gia đình ông B trồng để lấn chiếm sử dụng đất là vu không.

*** Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Ngọc M trình bày:**

Năm 1995 ông M có chứng kiến việc ông Mai Xuân J nhận chuyển nhượng đất của ông Phạm Kim Q. Khi đó ông M là người giúp cho ông Q và ông J viết giấy sang nhượng.

Khi chuyển nhượng các bên không đo đạc diện tích cụ thể nhưng ông Q có chỉ ranh giới đất cho ông J như sau:

Phía Đông giáp Sinh;

Phía Tây giáp đường đi;

Phía Nam giáp đất ông N;

Phía Bắc đất giáp đất ông X (Hiện nay giáp đất của ông M)

Sau một thời gian ông Q cũng chuyển nhượng một phần đất cho ông B. Ông M có chứng kiện việc ông Q chỉ ranh giới đất cho ông B (Hiện nay ông B đã được cấp GCNQSDĐ). Ông M xác định thời điểm đó không còn đất để ông B khai hoang như ông trình bày.

Hiện nay ông B khởi kiện đề nghị Tòa án hủy bỏ Hủy bỏ quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện D về thu hồi thửa đất 171, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.350m² và hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông J ông M đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông B bà A.

*** Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Lê Văn N trình bày:**

Năm 1995 ông Nghiệm có chứng kiến việc ông Mai Xuân J nhận chuyển nhượng đất của ông Phạm Kim Q và ông Q có chỉ ranh giới đất cho ông J như sau:

Phía Đông giáp Sinh;

Phía Tây giáp đường đi;

Phía Nam giáp đất ông N;

Phía Bắc đất giáp đất ông X (Hiện nay giáp đất của ông M)

Sau một thời gian ông Q cũng chuyển nhượng một phần đất cho ông B. Ông Nghiệm có chứng kiện việc ông Q chỉ ranh giới đất cho ông B. Ông N xác định thời điểm đó không còn đất để ông B khai hoang như ông trình bày.

Hiện nay ông B khởi kiện đề nghị Tòa án hủy bỏ Hủy bỏ quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện D về thu hồi thửa đất 171, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.350m² và hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông J ông Nghiệm đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông B bà A.

*** Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Phạm Kim Q trình bày:**

Năm 1995 ông Q có chuyển nhượng cho ông Mai Xuân J một diện tích đất. Khi đó các bên có nhờ anh M viết giấy sang nhượng đất.

Khi chuyển nhượng đất các bên không đo đạc diện tích cụ thể nhưng tôi có chỉ ranh giới đất cho ông J như sau:

Phía Đông giáp Sinh ông Q; (Hiện nay giáp đất anh Nhuận)

Phía Tây giáp đường đi;

Phía Nam giáp đất ông N;

Phía Bắc đất giáp đất ông X (Hiện nay giáp đất của ông M)

Khi chỉ ranh giới đất có ông M, ông N chứng kiến.

Khoảng năm 1996 ông Q cũng chuyển nhượng một phần đất cho ông B. Khi chuyển nhượng đất các bên không đo đạc nhưng cũng chỉ ranh giới đất cho ông B. Ông Q xác định thời điểm đó không còn đất để ông B khai hoang như ông trình bày.

Hiện nay ông B khởi kiện đề nghị Tòa án hủy bỏ Hủy bỏ quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 của Ủy ban nhân dân huyện D về thu hồi thửa đất 171 tờ bản đồ số 04, diện tích 4.350m² và hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông J ông Q đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông B bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đơn khởi kiện của ông B bà A còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Việc UBND huyện D ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 425/QĐ-UBND, quyết định thu hồi số 426/QĐ-UBND có thiếu sót về trình tự thủ tục, thời hạn ban hành. Tuy nhiên, thiếu sót về trình tự thủ tục, thời hạn ban hành không làm ảnh hưởng đến nội dung các quyết định số 425/QĐ-UBND, 426/QĐ-UBND và nội dung cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông J, bà K. Việc hủy các quyết định là không cần thiết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông B bà A là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B bà A đề nghị trả lại hiện trạng đất ban đầu cho ông B bà A không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án hành chính nên không chấp nhận.

Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức B, bà Nguyễn Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Ông Trần Đức B và bà Nguyễn Thị A khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy quyết định số 425/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, quyết định 426/QĐ-UBND của UBND huyện D ngày 28/4/2009 về quyết định thu hồi thửa đất 171, tờ bản đồ 04, diện tích 4.350m² của gia đình ông B, bà A và hủy bỏ giá trị pháp lý GCNQSD đất số BA 696381, tờ bản đồ 04, thửa đất 171, diện tích 5.138m² do UBND huyện D cấp ngày 28/06/2010 mang tên Mai Xuân J và bà Trương Thị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/4/2009 UBND huyện D ban hành Quyết định số 425/QĐ-UBND/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định 426/QĐ-UBND/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 171 và ngày 28/6/2010 UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 696381, tờ bản đồ 04, thửa đất 171, diện tích 5.138m² cho ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K. Ông Đ - người đại diện theo ủy quyền của ông B bà A trình bày đến năm 2017 ông B bà A mới biết các quyết định hành chính nêu trên. Sau khi biết được nội dung UBND huyện D thu hồi diện tích đất tại thửa đất số 171 của ông B, bà A và cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên cho ông J nên ngày 20/10/2017 ông Đ làm đơn khiếu nại đến UBND huyện D. Ngày 20/11/2017 UBND huyện D ban hành công văn số 1167/CV-UBND trả lời đã hết thời hiệu khởi kiện. Tại thời điểm đó do ông J đang khởi kiện bà A ông B về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với thửa 171, 172 nên ông Đ không tiếp tục khiếu nại mà chờ Tòa án nhân dân huyện D giải quyết tranh chấp. Sau khi ông J rút đơn khởi kiện vụ án dân sự và TAND huyện D ban hành quyết định đình chỉ ngày 30/8/2018. Ngày 25/12/2018 ông B bà A làm đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện D sau đó Tòa án nhân dân huyện D chuyển đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để giải quyết theo thẩm quyền. Như vậy, đơn khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức B, bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu tuyên hủy quyết định số 425/QĐ-UBND/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định 426/QĐ-UBND/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 của UBND huyện D ngày về việc thu hồi thửa đất 171, tờ bản đồ 04 diện tích 4.350m² của gia đình ông B, bà A và hủy bỏ giá trị pháp lý GCNQSD đất số BA 696381, tờ bản đồ 04, thửa đất 171, diện tích 5.138m² do UBND huyện D cấp ngày 28/06/2010 cho ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K. HĐXX xét thấy:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành:

* Về thẩm quyền:

Sau khi xảy ra tranh chấp giữa hộ gia đình ông J với hộ gia đình ông B UBND huyện D đã tiến hành thẩm tra, xác minh, tiến hành hòa giải, làm việc giữa hộ gia đình ông B và ông J và yêu cầu ông B bà A phải giao lại GCNQSDĐ do nhận nhầm cho UBND huyện D để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho đúng đối tượng sử dụng đất nhưng gia đình ông B bà A không thực hiện.

Sau đó ông J làm đơn khiếu nại. Ngày 28/4/2009 UBND huyện D ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 425/QĐ-UBND. Dựa trên Quyết định giải quyết khiếu nại số 425/QĐ-UBND UBND huyện D ban hành quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 về việc thu hồi GCNQSDĐ số O409213 đã cấp cho ông Trần Đức B, bà Nguyễn Thị A. Lý do: Thửa đất số 171 của ông Mai Xuân J nhưng đã cấp cho ông Trần Đức B.

Ngày 20/8/2009 ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K làm đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 4, vị trí thửa đất tại thôn Đoàn kết 2, xã C, huyện D. Ngày 24/9/2009, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường (Nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D) tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K

Sau khi thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K. Ngày 31/12/2008, văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường có phiếu chuyển thông tin gửi Chi cục thuế để xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp đối với Nhà nước. Ngày 15/12/2009, ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định. Ngày 09/12/2009, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất ký xác nhận đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Xuân J và Trương Thị K.

Ngày 09/12/2009, UBND huyện D có Quyết định số 5786/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 444078 cùng ngày 09/12/2009, tại thửa số 171, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.350m², mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác, nguồn gốc đất: Công nhận quyền sử dụng đất, vị trí thửa đất tại thôn Đoàn kết 2, xã C, huyện D.

Đến ngày 28/6/2010 ông Mai Xuân J và bà Trương Thị K đăng ký biến động, lý do diện tích tăng thêm vì có một phần đất tại thửa 171 đã lấn sang thửa đất số 172

của gia đình ông B, đã có biên bản kiểm tra xác minh ranh giới hiện trạng và nguồn gốc sử dụng đất; trích lục bản đồ địa chính của Phòng Tài nguyên môi trường huyện D và ông J, bà K được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 696381, tại thửa số 171, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.138m².

Việc Ủy ban nhân dân huyện D ban hành các quyết định trên là đúng thẩm quyền quy định tại Luật khiếu nại tố cáo 1998 được sửa đổi bổ sung năm 2004, 2005; Luật đất đai năm 2003; Điều 42 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; điểm a khoản 2, Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP, ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc đính chính và thu hồi đối với loại Giấy chứng nhận đã cấp.

*Về trình tự thủ tục, thời hạn ban hành quyết định: Tại Quyết định số 425/QĐ-UBND có ghi trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày giải quyết khiếu nại lần đầu nếu không có ý kiến gì thì UBND huyện D sẽ thu hồi là chưa đúng theo quy định tại Điều 39 Luật Khiếu nại tố cáo 1998 được sửa đổi bổ sung năm 2004, 2005. Tại điều 39 Luật Khiếu nại tố cáo 1998 được sửa đổi bổ sung năm 2004, 2005 quy định thời hạn khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là 30 ngày trong trường hợp đặc biệt có thể gia hạn nhưng không quá 45 ngày. Trong cùng ngày giải quyết khiếu nại lần đầu UBND huyện D đã ban hành quyết định thu hồi là vi phạm thời hạn ban hành Quyết định. Quá trình thực hiện việc giải quyết khiếu nại lần đầu, quyết định thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông B bà A tại hồ sơ do UBND huyện D cung cấp đã thể hiện đầy đủ trình tự thủ tục về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông B bà A, trình tự cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông J nhưng thiếu thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các quyết định nêu trên cho ông B bà A là có thiếu sót về trình tự thủ tục ban hành.

* Về nội dung ban hành các quyết định:

Quá trình tham gia tố tụng ông Đ cho rằng chữ ký và chữ viết tại phần dưới cùng "Biên bản làm việc lần 3" lập ngày 05/5/2006 và "Biên bản công bố quyết định" lập ngày 16/3/2009 không phải của ông B và đề nghị Tòa án đi trưng cầu giám định. Tại kết luận Trưng cầu giám định của phòng Kỹ Thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận các chữ ký Trần Đức B tại các biên bản trên là do ông B ký và viết ra.

Xét thấy, tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 29/6/2004 của UBND xã C có nội dung do nhìn bản đồ không ra nên ông B đã nhận nhầm thửa đất của ông J. Ông B đồng ý trả lại đất nhưng yêu cầu ông J phải trả lại tiền thuế mà ông B đã đóng từ trước đến nay và khảo sát đo đạc lại phần đất đó. Do GCNQSDĐ gia đình ông B đang vay vốn ở ngân hàng nên khi hết đợt vay ngân hàng ông B có trách

nhệm nộp GCNQSDĐ tại địa chính để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông J. Đối với biên bản làm việc lần ba ngày 05/5/2006 của UBND xã C ông B cũng thừa nhận nội dung như tại bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 29/6/2004 nhưng đề nghị khi nào đo đạc lại đất thì ông B mới đồng ý. Tại biên bản hòa giải lần hai ngày 18/7/2005 của UBND xã C sau khi được đề nghị giao lại giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông B bà A do nhận nhầm bà A cũng nhất trí theo nội dung biên bản làm việc năm 2004 nhưng chờ ông B ở quê vào thì phân lại mốc giới và không ký vào biên bản. Tại biên bản công bố quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại của công dân ngày 16/3/2009 của UBND xã C ông B có ý kiến do không rõ về ranh giới nên GCNQSDĐ có sai sót, đối với phần đất tranh chấp gia đình ông chưa canh tác. Như vậy, mặc dù tại hồ sơ không thể hiện việc ông B, bà A được tổng đạt hợp lệ các quyết định nêu trên nhưng trong quá trình UBND huyện D tiến hành kiểm tra, xem xét, giải quyết khiếu nại ông bà đều thừa nhận đã nhận nhầm thửa đất số 171 của gia đình ông J và đồng ý trả lại. Hơn nữa, tại quá trình hòa giải, làm việc ông B bà A đã cam kết sau khi hết hạn vay ngân hàng sẽ giao GCNQSDĐ để các cơ quan có thẩm quyền tiến hành cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông J nhưng gia đình ông B không hợp tác và không giao nộp GCNQSDĐ như cam kết mà còn đi tạm trú ở một nơi khác.

Ông Đ cho rằng tại thời điểm UBND huyện D giải quyết khiếu nại gia đình ông B không có mặt tại địa phương là không chính xác. Mặt dù ông Đ có cung cấp cho Tòa án phiếu đăng ký tạm trú, đơn xin xác nhận thời gian tạm trú tại thôn P, xã R, huyện S, tỉnh Khánh Hòa từ ngày 18/8/2008 đến ngày 18/8/2010 của ông B bà A nhưng tại biên bản công bố quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại của công dân ngày 16/3/2009 tại UBND xã C, huyện D ông B vẫn có mặt tham gia và có ý kiến do không rõ về ranh giới nên GCNQSDĐ có sai sót, đối với phần đất tranh chấp gia đình ông chưa canh tác. Như vậy, lời trình bày của ông Đ không có cơ sở.

Những người làm chứng ông Q, ông N, ông M đều cho rằng diện tích đất tại thửa 171 do gia đình ông Q chuyển nhượng cho gia đình ông J, tại thời điểm đó không còn đất cho gia đình ông B, bà A khai hoang. Tại biên bản công bố quyết định ngày 16/3/2009 ông B thừa nhận diện tích đất tại thửa 171 gia đình ông chưa canh tác. Ông Đ cho rằng đất của ông B bà A nhưng gia đình ông J canh tác sử dụng nhưng ông B bà A không tranh chấp và cũng không có ý kiến gì là không có căn cứ.

Việc UBND huyện D ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 425/QĐ-UBND, quyết định thu hồi số 426/QĐ-UBND có thiếu sót về trình tự thủ tục, thời hạn ban hành. Tuy nhiên, thiếu sót về trình tự thủ tục, thời hạn ban hành không làm

ảnh hưởng đến nội dung các quyết định số 425/QĐ-UBND, 426/QĐ-UBND và nội dung cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông J, bà K. Việc hủy các quyết định là không cần thiết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông B bà A là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B bà A đề nghị trả lại hiện trạng đất ban đầu cho ông B bà A không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án hành chính nên không chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên, HĐXX xét thấy cần bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức B và bà Nguyễn Thị A về việc yêu cầu tuyên hủy bỏ quyết định số 425/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 28/4/2009 của UBND huyện D về việc thu hồi thửa đất 171 tờ bản đồ 04 diện tích 4.350m² của gia đình ông B, bà A; hủy bỏ giá trị pháp lý GCNQSDĐ số BA 696381, tờ bản đồ 04, thửa đất 171, diện tích 5.138m² do UBND huyện D cấp ngày 28/06/2010 mang tên Mai Xuân J và bà Trương Thị K đồng thời trả lại hiện trạng đất ban đầu cho ông B bà A.

Về chi phí trưng cầu giám định: ông Trần Đức B và bà Nguyễn Thị A phải chịu 5.040.000đồng chi phí trưng cầu giám định. Số tiền này ông bà đã nộp đủ tại Tòa án.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Đức B và bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115, Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, ngày 19/10/2009 của Chính phủ; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP, ngày 19/10/2009 của Chính phủ; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, ngày 19/10/2009 của Chính phủ ;

Căn cứ Luật Khiếu nại tố cáo 1998 được sửa đổi bổ sung năm 2004, 2005; Nghị định 136/2006/NĐ-CP, ngày 14/11/2006 của Chính phủ;

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Trần Đức B và bà Nguyễn Thị A về việc tuyên hủy các quyết định số 425/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu ngày 28/4/2009; Quyết định số 426/QĐ-UBND của UBND huyện D ngày 28/4/2009 về việc thu hồi thửa đất 171, tờ bản đồ 04, diện tích 4.350m² của ông B bà A và yêu cầu tuyên hủy giá trị pháp lý GCNQSDĐ số BA 696381, tờ bản đồ 04, thửa đất 171, diện tích 5.138m² do UBND huyện D cấp ngày 28/06/2010 mang tên Mai Xuân J và bà Trương Thị K đồng thời trả lại hiện trạng đất ban đầu cho gia đình ông B.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: ông Trần Đức B và bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0012729, ngày 25/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu.....

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuận